

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2019/HS-ST
Ngày: 21/10/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và ông Lò Văn Pọm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thảo A Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 12/12/1992, tại: Tại huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T, sinh năm 1970 và con bà Lò Thị T, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là Lò Thị X, sinh năm 1995 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xét xử và xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2019, tạm giam ngày 18/8/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Họ và tên: **Tòng Thị D**, sinh năm 1991; nơi đăng ký HKTT: Số nhà 209, phường P, C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện Nay: Bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

* Người nghĩa vụ liên quan:

1. Họ và tên: **Lò Văn M**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

1. Họ và tên: **Quàng Thị T**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/8/2019 đến ngày 10/8/2019, bị cáo Lò Văn T đã sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wawe alpha, màu sơn trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 27Z1 - 000.00, đi đến nhà của chị Tòng Thị D tại: Bản T, xã Q, huyện T. Bị cáo lợi dụng gia đình chị D đi làm ăn xa, không có ai ở nhà, bị cáo đi vòng ra phía sau nhà, thấy có cửa phụ bằng gỗ, được đóng một thanh nẹp gỗ ngang cánh cửa và khóa bằng loại khóa dây. Bị cáo dùng dao rựa mang theo cậy thanh gỗ, cửa bung ra vào nhà chị D để trộm cắp tài sản gồm: 02 cánh cửa kim loại màu xanh, mỗi cánh có kích thước 180×110 cm, cũ, đã qua sử dụng; 02 loa màu đen, không nhãn hiệu do công ty TNHH Tuấn Long sản xuất, thông số kỹ thuật 200V - 250V, cũ đã qua sử dụng; 01 đầu thu mặt đất Pantosat, mã HD-001S3, màu đen, cũ đã qua sử dụng; 01 đầu đĩa EVD nhãn hiệu ARECTONG, màu đen, cũ đã qua sử dụng; 01 Amply điện tử nhãn hiệu LLISICON, màu đen, cũ đã qua sử dụng; 02 micro nhãn hiệu SHURE có dây, màu bạc, cũ đã qua sử dụng; 01 máy giặt nhãn hiệu SANYO, màu trắng, khối lượng giặt 6,8 kg, sản xuất năm 2012, cũ đã qua sử dụng; 01 tủ lạnh nhãn hiệu FUNIKI, màu trắng, dung tích 120 lít, loại FR 125 CL, sản xuất năm 2013, cũ đã qua sử dụng; 01 ga trải giường, màu đỏ, cũ đã qua sử dụng; 03 chăn bông, nhiều màu, loại chăn đôi, cũ đã qua sử dụng; 01 chiếc màn, màu vàng, loại màn đôi, cũ đã qua sử dụng; 05 chiếc áo len nữ các loại, không nhãn mác, cũ đã qua sử dụng; 06 chiếc áo phông nữ các loại, không nhãn mác, cũ đã qua sử dụng và một số đồ chơi của trẻ em. Tổng trị giá tài sản bị cáo Lò Văn T trộm cắp của gia đình chị D là: 7.295.000đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng*). Sau khi trộm cắp được số tài sản trên thì bị cáo đã mang bán cho Lò Văn M nhà ở bản S, xã Q, huyện T, 01 máy giặt được 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*); 01 bộ cánh cổng sắt với giá 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*); số tài sản còn lại bị cáo Lò Văn T đem về nhà cất giấu.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được vật chứng gồm: 02 cánh cửa kim loại màu xanh, mỗi cánh có kích thước 180×110 cm; 02 loa màu đen, không nhãn hiệu do công ty TNHH Tuấn Long sản xuất, thông số kỹ thuật 200V-250V; 01 đầu thu mặt đất Pantosat, mã HD-001S3, màu đen; 01 đầu đĩa EVD nhãn hiệu ARECTONG, màu đen; 01 Amply điện tử nhãn hiệu LLISICON, màu đen; 02 micro nhãn hiệu SHURE có dây, màu bạc; 01 máy giặt nhãn hiệu SANYO, màu trắng, khối lượng giặt 6,8 kg, sản xuất năm 2012; 01 tủ lạnh nhãn hiệu FUNIKI, màu trắng, dung tích 120 lít, loại FR 125 CL, sản xuất năm 2013; 01 ga trải giường, màu đỏ; 03 chăn bông, nhiều màu, loại chăn đôi; 01 chiếc màn, màu vàng, loại màn đôi; 05 chiếc áo len nữ các loại, không nhãn mác; 06 chiếc áo phông nữ các loại, không nhãn mác.

Kết luận định giá tài sản số: 32/KL-ĐGTS ngày 14/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tuần Giáo kết luận: Toàn bộ tài sản bị cáo Lò Văn T trộm cắp có giá trị là 7.295.000đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng*).

Tại Cơ quan Điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo Lò Văn T thừa nhận: hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại bản Cáo trạng số: 94/CT-VKS-TG ngày 01 tháng 10 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong đơn đề nghị bị hại chị Tòng Thị D trình bày: Ngày 08/10/2019 chị D nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo để tham gia phiên tòa vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 21/10/2019. Nhưng chị Tòng Thị D bận công việc không thể tham gia phiên tòa được. Chị Tòng Thị D đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án trên. Số tài sản bị mất chị Tòng Thị D đã được nhận lại hết nên chị không yêu cầu bị cáo Lò Văn T bồi thường thiệt hại. Về phần hình phạt, chị Tòng Thị D đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo Lò Văn T theo quy định của pháp luật.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Không phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 xe máy Công an đã tạm giữ của bị cáo Lò Văn T là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu sơn trắng - đen - bạc dung tích xi lanh 109, BKS 27Z1-000.00 số khung RLHJA390XHY973892, số máy JA39E0774035. Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Lò Văn T hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/8/2019 đến ngày 10/8/2019, bị cáo Lò Văn T đã sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave alpha, màu sơn trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 27Z1 - 000.00 đi trộm cắp tài sản của gia đình chị Tòng Thị D với tổng giá trị tài sản là 7.295.000đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng*). Sau khi trộm cắp được số tài sản trên thì bị cáo đã mang bán cho Lò Văn M 01 máy giặt được 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*); 01 bộ cánh cổng sắt với giá 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*); số tài sản còn lại bị cáo đem về nhà cất giấu. Toàn bộ số tài sản bị cáo trộm cắp đã bị Công an thu giữ và trả cho chị Tòng Thị D.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp phù hợp với biên bản khám xét, biên bản khám hiện trường, phù hợp với lời khai của bị cáo cơ quan điều tra, lời khai bị hại, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo Lò Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 7.295.000đ (*bảy triệu hai trăm chín mươi năm nghìn đồng*). Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Lò Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2] Về tính chất và mức độ của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị Tòng Thị D nói riêng; gây mất an toàn trên địa bàn huyện T, tỉnh Điện Biên nói chung. Tội phạm bị cáo vi phạm là tội phạm ít nghiêm trọng. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo sinh ra tại xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Năm 2014 sử dụng chất ma túy, năm 2015 nghiện chất ma túy, năm 2016 cai nghiện chất ma túy bằng hình thức uống thuốc Methadone tại Trung tâm Y tế huyện Tuần Giáo. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật đồng thời giúp bị cáo cai nghiện chất ma túy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xét thấy điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thu nhập của bị cáo chỉ dựa vào sản xuất nông nghiệp, nên không có khả năng thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Kiểm sát viên đề nghị xử phạt đối với bị cáo: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn đề nghị bị hại chị Tòng Thị D đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các vấn đề khác: Đối với Lò Văn M và Quàng Thị T là những người mua tài sản do Lò Văn T phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo đã triệu tập lấy lời khai, tuy nhiên Lò Văn M và Quàng Thị T đều khai không biết tài

sản đó là do Lò Văn T trộm cắp mà có. Ngoài lời khai của bị cáo ra không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Lò Văn M và Quảng Thị T có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, không đề cập vấn đề xử lý đối với M và T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Vật chứng vụ án: Đối với 01 xe máy Công an đã tạm giữ của bị cáo Lò Văn T là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu sơn trắng - đen - bạc dung tích xi lanh 109, BKS 27Z1-000.00 số khung RLHJA390XHY973892, số máy JA39E0774035 theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi và các Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần Giáo; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan đã thực hiện đều hợp pháp và được chấp nhận.

[10] Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí; theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Lò Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 12/8/2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave alpha màu sơn trắng - đen - bạc dung tích xi lanh 109, BKS 27Z1-000.00 số khung RLHJA390XHY973892, số máy JA39E0774035 của bị cáo theo theo Phiếu nhập kho số: PNKVC 03 ngày 03/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/10/2019). Bị hại Tòng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UDND nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Việt Hương